

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
31/12/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT
Ông Erik Smeyers	Thành viên HĐQT
Ông Cao Thanh Định	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 15 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2010, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Hồ Đắc Hiếu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		199.805.520.904	261.088.120.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.403.676.458	4.006.169.767
1. Tiền	111	V.01	4.403.676.458	4.006.169.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	259.200.000	314.880.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531.000.000	531.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(271.800.000)	(216.120.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	109.511.331.614	164.005.433.423
1. Phải thu khách hàng	131		68.510.065.538	137.488.413.309
2. Trả trước cho người bán	132		37.879.336.843	25.270.081.927
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		3.121.929.233	2.439.325.920
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(1.192.387.733)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	75.931.089.496	86.006.275.073
1. Hàng tồn kho	141		84.027.536.310	87.924.010.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.096.446.814)	(1.917.735.067)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.700.223.336	6.755.362.357
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.293.555.926	5.188.170.480
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.05	525.850.873	789.863.457
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	880.816.537	777.328.420
B. Tài sản dài hạn	200		167.388.615.261	155.761.063.600
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		80.147.125.874	73.973.903.738
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	73.432.434.663	66.313.851.614
- Nguyên giá	222		117.172.417.489	100.900.800.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.739.982.826)	(34.586.948.550)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	3.787.086.909	3.999.044.003
- Nguyên giá	228		5.788.007.600	5.712.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.000.920.691)	(1.713.875.997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.927.604.302	3.661.008.121
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	76.161.182.824	69.526.276.051
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.026.276.051	65.026.276.051
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.134.906.773	4.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.080.306.563	12.260.883.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11.080.306.563	12.260.883.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		367.194.136.165	416.849.184.220

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		176.011.024.292	245.940.147.738
I. Nợ ngắn hạn	310		169.756.102.673	234.085.087.583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	125.097.674.037	139.315.740.451
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	16.537.412.707	62.914.658.665
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	593.406.153	105.690.220
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	2.440.976.018	440.040.871
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	5.929.633.827	3.027.501.334
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	19.156.999.931	28.281.456.042
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.254.921.619	11.855.060.155
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	5.959.921.619	11.855.060.155
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		295.000.000	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	191.183.111.873	170.909.036.482
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		188.735.589.859	169.170.819.780
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		4.240.787.194	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.710.897.168	3.310.897.168
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.265.281.300	3.365.281.300
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.900.000.000	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.392.527.197	10.268.544.312
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		2.447.522.014	1.738.216.702
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		2.447.522.014	1.738.216.702
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		367.194.136.165	416.849.184.220
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			1.192.387.733	-
5. Ngoại tệ - USD			191.802,17	113.761,55
- EUR			-	308,27
- JPY			-	571.374,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		447.108.633.195	459.118.718.694
2. Các khoản giảm trừ	03		3.879.857.356	2.076.599.403
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	443.228.775.839	457.042.119.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	370.353.773.778	394.757.500.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.875.002.061	62.284.619.212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	8.803.238.611	8.800.891.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	22.312.680.825	18.627.216.091
- Trong đó: lãi vay	23		11.662.504.240	10.289.037.035
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	14.180.569.915	21.883.942.952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	16.932.685.370	16.342.071.756
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28.252.304.562	14.232.279.964
11. Thu nhập khác	31	VI.25	4.162.740.467	269.838.224
12. Chi phí khác	32	VI.26	1.183.231.843	-
13. Lợi nhuận khác	40		2.979.508.624	269.838.224
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		31.231.813.186	14.502.118.188
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.27	2.342.385.989	392.855.899
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.889.427.197	14.109.262.289
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	70	VI.28	2.256	1.144

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Trịnh Bá Hoàng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.231.813.186	14.502.118.188
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.893.199.952	6.852.145.709
Các khoản dự phòng	03	5.042.004.014	(956.770.948)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	409.778.816
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(22.787.478)	(58.763.750)
Chi phí lãi vay	06	11.662.504.240	10.289.037.035
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	57.806.733.914	31.037.545.050
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	53.039.637.628	(91.107.177.483)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.896.473.830	10.961.333.777
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(49.052.437.895)	(14.782.487.572)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.180.577.248	1.221.753.349
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.662.504.240)	(10.289.037.035)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(382.337.286)	(94.090.948)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(52.239.000)	(469.767.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.773.904.199	(73.521.928.074)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản 21 dài hạn khác		(17.328.560.431)	(9.018.570.019)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn 22 khác		1.150.019.048	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.500.000.000)	(18.334.361.475)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	58.763.752
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.678.541.383)	(27.294.167.742)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	30.210.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	766.111.728.702	387.222.152.250
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(785.005.684.827)	(317.732.326.141)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(610.548.421)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(12.803.900.000)	(17.926.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.697.856.125)	81.162.557.688
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	397.506.691	(19.653.538.128)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.006.169.767	23.659.707.895
Tiền tồn cuối kỳ	70	4.403.676.458	4.006.169.767

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Trịnh Bá Hoàng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 25/02/2008 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Vốn điều lệ đăng ký	868.000.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2009:	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

Tổng số công nhân viên Công ty: 750 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (VND) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 15 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ với thời gian từ 02 - 03 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

10. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Cho năm tài chính 2009, Công ty tạm trích dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên với số tiền là 295.000.000 đồng.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và 5 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và 1% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Năm 2009 là năm thứ 5 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	126.475.170	53.915.437
Tiền gửi ngân hàng	4.277.201.288	3.952.254.330
Cộng	4.403.676.458	4.006.169.767
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	531.000.000	531.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(271.800.000)	(216.120.000)
Cộng	259.200.000	314.880.000

(*) Khoản đầu tư mua 3.840 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan Dầu khí (Mệnh giá: 10.000 đồng/CP).

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng (3.1)	68.510.065.538	137.488.413.309
Trả trước người bán (3.2)	37.879.336.843	25.270.081.927
Phải thu khác (3.3)	3.121.929.233	2.439.325.920
Cộng	109.511.331.614	165.197.821.156
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.192.387.733)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	109.511.331.614	164.005.433.423

(3.1) Bao gồm:

Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (USD)	3,458,450.69	#	62.048.063.829
Phải thu khách hàng bằng VND			6.462.001.709
Cộng			68.510.065.538

(3.2) Bao gồm:

Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ (USD)	222,687.59	#	3.995.238.052
Trả trước cho người bán bằng VND			33.884.098.791
Cộng			37.879.336.843

(3.3) Bao gồm:

Thuế GTGT của các tài sản thuê tài chính	278.522.795		289.071.216
Ông Nguyễn Thế Phong	-		176.482.000
Phải thu tiền chi hộ Cty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Á Châu	1.063.240.782		249.098.678
Ông Đặng Văn Đoàn	1.112.400.000		1.112.400.000
Các khoản phải thu khác	667.765.656		612.274.026
Cộng	3.121.929.233		2.439.325.920

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	65.275.795.383	11.845.404.100
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.555.214.127	324.870.056
Thành phẩm	17.196.526.800	75.753.735.984
Cộng	84.027.536.310	87.924.010.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.096.446.814)	(1.917.735.067)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	75.931.089.496	86.006.275.073

Hàng tồn kho trong kho lạnh đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm Bảo Việt số HCM.D15.IAR.09.HĐ177(0321). Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/11/2009 đến ngày 13/11/2010); tổng giá trị hàng hoá được bảo hiểm là 57 tỷ đồng.

5. Các khoản thuế phải thu	31/12/2009	01/01/2009
Thuế nhập khẩu tạm nộp	525.850.873	758.911.393
Thuế TNCN tạm nộp của người nước ngoài	-	30.952.064
Cộng	525.850.873	789.863.457

6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng	880.816.537	746.342.835
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	30.985.585
Cộng	880.816.537	777.328.420

7. Tài sản cố định vô hình	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.712.920.000		5.712.920.000
Tăng	-	75.087.600	75.087.600
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.712.920.000	75.087.600	5.788.007.600
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.713.875.997	-	1.713.875.997
Tăng	284.472.109	2.572.585	287.044.694
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.998.348.106	2.572.585	2.000.920.691
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	3.999.044.003	-	3.999.044.003
Số dư đầu kỳ	3.714.571.894	72.515.015	3.787.086.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	39.620.351.676	52.741.241.675	7.346.901.246	1.192.305.567	100.900.800.164
Tăng	4.164.469.231	16.448.301.462	1.317.379.889	415.935.882	22.346.086.464
Mua sắm mới	126.390.442	16.448.301.462	1.317.379.889	94.804.857	17.986.876.650
Phân loại lại	4.038.078.789	-	-	321.131.025	4.359.209.814
Giảm	-	4.359.209.814	1.715.259.325	-	6.074.469.139
Thanh lý	-	-	1.343.595.325	-	1.343.595.325
Chuyển góp vốn	-	-	371.664.000	-	371.664.000
Phân loại lại	-	4.359.209.814	-	-	4.359.209.814
Số dư cuối kỳ	43.784.820.907	64.830.333.323	6.949.021.810	1.608.241.449	117.172.417.489
Khấu hao lũy kế					
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	8.508.397.918	23.735.943.298	1.427.712.731	914.894.603	34.586.948.550
Tăng	4.719.639.405	6.792.193.644	772.807.653	202.828.721	12.487.469.423
Trích khấu hao	1.838.325.240	6.792.193.644	772.807.653	202.828.721	9.606.155.258
Phân loại lại	2.881.314.165	-	-	-	2.881.314.165
Giảm	-	2.836.969.182	453.120.982	44.344.983	3.334.435.147
Thanh lý	-	-	251.924.126	-	251.924.126
Chuyển góp vốn	-	-	201.196.856	-	201.196.856
Phân loại lại	-	2.836.969.182	-	44.344.983	2.881.314.165
Số dư cuối kỳ	13.228.037.323	27.691.167.760	1.747.399.402	1.073.378.341	43.739.982.826
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	31.111.953.758	29.005.298.377	5.919.188.515	277.410.964	66.313.851.614
Số dư cuối kỳ	30.556.783.584	37.139.165.563	5.201.622.408	534.863.108	73.432.434.663

Tổng giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị Công ty dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được thuyết minh tại mục 12 - trang 19 và mục 17 - trang 21.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm Bảo Việt số HCM.D15.IAR.09.HĐ177(0321). Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/11/2009 đến ngày 13/11/2010); tổng giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị được bảo hiểm 23,65 tỷ đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
Dự án trại tôm Cần Giờ	(*) 1.936.474.054	1.936.474.054
Dự án ERP Scala	(*) 947.933.915	947.933.915
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	768.458.152
Công trình khác	43.196.333	8.142.000
Cộng	2.927.604.302	3.661.008.121

(*) Hiện tại, các dự án này đã ngưng triển khai, Công ty đang tiến hành hoàn tất hồ sơ để tiến hành Quyết toán trong năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm	Kết quả đầu tư
Đầu tư vào Công ty liên kết	65.026.276	-		65.026.276	-
Đầu tư dài hạn khác	4.500.000	6.634.907	-	11.134.907	-
Dự phòng giảm giá	-	-	-	-	-
Cộng	69.526.276	6.634.907	-	76.161.183	-

Đơn vị tính: ngàn đồng

10. 1. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư 31/12/2009	Giá trị đầu tư 01/01/2009
Công ty TNHH SX KD DV SaGa	(a) 21,07%	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty Incomfish US	(b) 49,00%	14.992.000.000	14.992.000.000
Công ty Incomfish EU	(c) 49,00%	10.434.276.051	10.434.276.051
Cộng		65.026.276.051	65.026.276.051

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% tương đương 43.560.000 ngàn đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2009 là 39.600.000 ngàn đồng tương đương 19% vốn điều lệ (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195 ngàn đồng).

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2009 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000 ngàn đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2009 là 454,368.95 EUR tương đương 10.434.276 ngàn đồng.

Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ 3 Công ty trên.

10. 2. Đầu tư dài hạn khác

Danh mục đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư 31/12/2009	Giá trị đầu tư 01/01/2009
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	(a) 5,23%	4.634.906.773	4.500.000.000
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	(b)	6.500.000.000	-
Cộng		11.134.906.773	4.500.000.000

(a) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102061859 ngày 23/5/2008. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.500.000 ngàn đồng tương đương 5,23% vốn điều lệ. Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty đã góp vượt vốn đăng ký là 134.906.773 đồng.

(b) Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu với mục đích xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/8/2007. Tổng số vốn góp đăng ký là 66,24 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty đã góp được 6,5 tỷ đồng đạt 9,81% vốn đăng ký.

Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ 2 khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2009	Năm 2008
Số dư đầu kỳ	12.260.883.811	13.482.637.160
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	1.340.996.408	1.289.317.690
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	2.521.573.656	2.511.071.039
Số dư cuối kỳ	11.080.306.563	12.260.883.811

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ	27.878.186	1.015.280.163
Quyền sử dụng đất (*)	(*) 10.558.382.093	10.788.719.969
Chi phí trả trước dài hạn khác	494.046.284	456.883.679
Cộng	11.080.306.563	12.260.883.811

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM: Diện tích thuê: 20.802 m2. Thời hạn thuê đến tháng 9/2049. Công ty sẽ được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thanh toán đủ 100% giá trị tiền thuê đất.

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	122.087.301.768	136.384.084.375
Vay dài hạn đến hạn trả	3.010.372.269	2.931.656.076
Cộng	125.097.674.037	139.315.740.451

Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng

		Đơn vị tính: Ngàn đồng		
	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Ngân hàng BIDV	29.978.342	43.451.849	73.430.191	-
Ngân hàng HSBC (12.1)	70.185.313	367.076.182	401.700.517	35.560.977
Ngân hàng Vietcombank (12.2)	36.220.430	250.333.307	244.770.513	41.783.224
Ngân hàng ABBank (12.3)	-	99.283.904	57.670.586	41.613.318
Ngân hàng Phát triển VN (12.4)	-	3.129.783	-	3.129.783
- Vay dài hạn đến hạn trả	2.931.656	-	-	3.010.372
Cộng	139.315.740	763.275.025	777.571.808	125.097.674

(12.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 091392 ngày 04/01/2010 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn trong vòng 150 ngày tính từ ngày giải ngân; lãi suất vay VND là 10,5%/năm, vay USD từ 4,5% đến 6%/năm. Số dư nợ vay ngày 31/12/2009 bao gồm: 634,523.00USD và 24.177.000 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho của Công ty với trị giá ít nhất 4,000,000.00 USD và quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhà kho và hàng hoá trong kho cùng với thư xác nhận từ Công ty Bảo hiểm cùng với hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của quý Công ty với trị giá 4,000,000.00 USD.

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 068/KH/09NH ngày 09/3/2009 với tổng hạn mức là 70 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng; lãi suất vay VND là 10,32%/năm, vay USD là 3%/năm. Số dư nợ vay ngày 31/12/2009 là 406,100.00USD và 34.497.383 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là máy móc thiết bị của Công ty với giá trị theo định giá là 12.132.327.961 đồng chi tiết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0567/NHNT ngày 17/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Sở Giao dịch theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0215/09/TD/I ngày 26/3/2009 với tổng hạn mức là 50 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm; lãi suất vay dao động từ 0,875% đến 1%/tháng. Số dư nợ vay ngày 31/12/2009 là 129,900.00USD và 39.282.783 ngàn đồng. Khoản vay này được bảo lãnh bởi cá nhân ông Trịnh Bá Hoàng, Ông Nguyễn Phát Quang, Bà Nguyễn Thị Kim Xuân, Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

(12.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 54/2009/TDXKHM-NHPT.PC ngày 13/10/2009. Hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng trong thời hạn 01 năm, lãi suất vay 10,2%/năm. Số dư nợ vay ngày 31/12/2009 là 3.129.783 ngàn đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất tại xã Phú Hoà Đông, huyện Củ Chi, Tp. HCM với tổng giá trị đảm bảo theo định giá của ngân hàng là 2,18 tỷ đồng.

Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả

Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị TP.HCM	404.904.000
Ngân hàng HSBC (145,224.25 USD)	2.605.468.269
Cộng	3.010.372.269

13. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán (*)	16.537.412.707	62.914.658.665
Người mua trả trước	593.406.153	105.690.220
Cộng	17.130.818.860	63.020.348.885

(*) Bao gồm:

Phải trả nhà cung cấp bằng ngoại tệ (USD)	375,077.03 #	6.729.256.995
Phải trả nhà cung cấp bằng VND		9.808.155.712
Cộng		16.537.412.707

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2009	01/01/2009
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.342.385.989	382.337.286
Thuế thu nhập cá nhân	98.590.029	43.934.015
Thuế khác	-	13.769.570
Cộng	2.440.976.018	440.040.871

15. Phải trả công nhân viên	31/12/2009	01/01/2009
Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả	4.829.633.827	3.027.501.334
Trích tiền lương dự phòng cho năm 2010	1.100.000.000	-
Cộng	5.929.633.827	3.027.501.334

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả khác	31/12/2009	01/01/2009
BHXXH, YT, BHTN phải nộp	365.156.008	112.549.477
Kinh phí công đoàn	1.040.155.601	612.295.244
Phải trả khác (*)	17.751.688.322	27.556.611.321
Cộng	19.156.999.931	28.281.456.042

(*) Bao gồm:

Phải trả tiền cho vay và góp vốn của cá nhân	14.004.097.000	27.179.200.000
Phải trả tiền Ủy thác xuất khẩu	2.268.678.912	-
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	360.000.000	-
Ông Trần Văn Tân - tiền mua xe	355.660.000	-
Các khoản phải trả khác	763.252.410	377.411.321
Cộng	17.751.688.322	27.556.611.321

17. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay dài hạn	8.970.293.888	14.786.716.231
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.010.372.269)	(2.931.656.076)
Cộng vay và nợ dài hạn	5.959.921.619	11.855.060.155

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: Ngân đồng

	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (17.1)	918.154	-	513.250	404.904
Ngân hàng BIDV	4.960.679	-	4.960.679	-
Ngân hàng HSBC (17.2)	8.907.883	1.617.455	1.959.948	8.565.390
Cộng	14.786.716	1.617.455	7.433.877	8.970.294
- Trừ vay dài hạn đến hạn trả	2.931.656			3.010.372
Cộng	11.855.060			5.959.922

(17.1) Khoản vay dài hạn 404.904 ngàn đồng từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 230/2005/HĐTD-QĐT-TD ngày 06/9/2005 trong hạn mức tín dụng 2.053.000.000 đồng, lãi suất cho vay 4%/năm cố định trong suốt thời gian vay và được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày 10/01/2006. Thời hạn cho vay 05 năm. Nợ gốc trả định kỳ hàng quý. Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư dự án cải thiện môi trường.

(17.2) Vay dài hạn 477,419.87 USD tương đương 8.565.390 ngàn đồng từ Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Tp. HCM theo Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080174M ngày 25/4/2008 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 16/9/2008, theo đó: Tổng hạn mức là 1,000,000.00 USD; thời hạn 60 tháng; lãi suất Sibor 03 tháng cộng 3%/năm. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số VNM CDT 080174M/M ngày 25/4/2008 với tổng giá trị là 1,500,000.00 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Ngân đồng

	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	31/12/2009	01/01/2009	31/12/2009	01/01/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	868.000.000	868.000.000	128.070.000	128.070.000

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.070.000	-	-	128.070.000
Thặng dư cổ phần	24.156.097	-	-	24.156.097
Chênh lệch tỷ giá	-	4.240.787	-	4.240.787
Quỹ đầu tư phát triển	3.310.897	4.300.000	900.000	6.710.897
Quỹ dự phòng tài chính	3.365.281	2.900.000	1.000.000	5.265.281
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.900.000	-	2.900.000
Lợi nhuận chưa phân phối	10.268.544	31.427.883	24.303.900	17.392.527
Cộng	169.170.820	45.768.670	26.203.900	188.735.590
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.738.217	1.400.000	690.695	2.447.522
Tổng cộng	170.909.036	47.168.670	26.894.595	191.183.112

Tình hình phân phối lợi nhuận:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.268.544.312	14.443.583.587
Tăng trong năm	28.889.427.197	14.109.262.289
Cộng phần hoàn nhập các quỹ	2.538.455.688	5.242.418.436
Cộng lũy kế	41.696.427.197	33.795.264.312
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	4.300.000.000	2.100.000.000
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	2.900.000.000	2.100.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.400.000.000	1.400.000.000
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.900.000.000	-
Chi cổ tức cho cổ đông	12.803.900.000	17.926.720.000
Cộng phân phối	24.303.900.000	23.526.720.000

(*) Các quỹ giảm trong năm do hoàn lại theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bao gồm:

Quỹ đầu tư phát triển	900.000.000	1.971.500.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.000.000.000	1.972.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	638.455.688	1.298.918.436
Cộng	2.538.455.688	5.242.418.436

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	86.800.000	86.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu thường	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu thường	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

19. Doanh thu	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu	447.108.633.195	459.118.718.694
Tổng doanh thu	447.108.633.195	459.118.718.694
- Trừ các khoản giảm trừ (hàng bán trả lại)	3.879.857.356	2.076.599.403
Cộng doanh thu thuần (*)	443.228.775.839	457.042.119.291

(*) Bao gồm:	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	20.720.533,04	-	373.352.220.409
Doanh thu bán hàng trong nước	-	58.092.202.023	58.092.202.023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	11.784.353.407	11.784.353.407
Cộng	20.720.533,04	69.876.555.430	443.228.775.839

20. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn thành phẩm đã bán	364.175.062.031	395.868.619.501
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	6.178.711.747	(1.111.119.422)
Cộng	370.353.773.778	394.757.500.079

21. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi	1.520.724.889	350.822.969
Lãi đầu tư chứng khoán	-	58.763.752
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.282.513.722	8.391.304.830
Cộng	8.803.238.611	8.800.891.551

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

22. Chi phí tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	11.662.504.240	10.289.037.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.594.496.585	8.237.736.048
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	55.680.000	100.443.008
Cộng	22.312.680.825	18.627.216.091

23. Chi phí bán hàng	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lương nhân viên bán hàng	1.244.458.866	1.315.249.135
Chi phí xuất hàng	12.176.487.726	18.879.238.166
Chi phí bằng tiền khác	759.623.323	1.689.455.651
Cộng	14.180.569.915	21.883.942.952

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lương nhân viên quản lý	8.479.802.706	6.797.719.900
Chi phí công cụ dụng cụ	798.668.261	737.922.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	925.465.940	1.114.772.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.956.314.628	4.371.671.086
Chi phí bằng tiền khác	1.772.433.835	3.319.986.120
Cộng	16.932.685.370	16.342.071.756

25. Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
Thu thanh lý TSCĐ	1.150.019.048	-
Thu tiền bảo hành nhà xưởng	2.857.142.857	-
Thu bán phế liệu	-	258.880.759
Thu khác	155.578.562	10.957.465
Cộng	4.162.740.467	269.838.224

26. Chi phí khác	Năm 2009	Năm 2008
GTCL của tài sản cố định thanh lý	1.091.671.199	-
Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ góp vốn (lỗ)	35.540.371	-
Chi phí khác	56.020.273	-
Cộng	1.183.231.843	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27. Chi phí thuế Thuế TNDN hiện hành	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.231.813.186	14.502.118.188
Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(3.374.434.519)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	2.739.798.055
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang		(8.629.403.074)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	31.231.813.186	5.238.078.650
Thuế suất thuế TNDN	15%	15%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	4.684.771.978	785.711.798
Thuế TNDN được miễn giảm	2.342.385.989	392.855.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.342.385.989	392.855.899

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.889.427.197	14.109.262.289
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.807.000	12.335.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.256	1.144

29. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	21,83%	17,75%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	54,41%	62,63%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	47,93%	59,00%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	52,07%	41,00%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,03	0,02
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,09	1,69
3. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	8,51%	3,48%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	7,05%	3,17%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)	15,11%	8,26%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Công ty liên kết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Công ty liên kết chủ yếu sau:

		Năm 2009	Năm 2008
Bán hàng			
Incomfish Eu	USD	114.407,70	940.189,37
Incomfish US	USD	875.293,04	2.135.952,06
Công ty TNHH Sa Ga	VND	5.152.841.332	16.134.650
Góp vốn			
Incomfish Eu	EUR	-	(80.691,84)
Incomfish US	USD	-	(900.000,00)
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	VND	134.906.773	-
Công ty CP TM Thủy sản Á Châu	VND	6.500.000.000	-

Vào ngày 31/12/2009, Các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến các Công ty liên kết như sau:

		31/12/2009	31/12/2008
Phải thu			
Incomfish US (trả trước)	USD	143.640,00	-
Incomfish US	USD	366.934,24	1.103.591,50
Công ty TNHH Sa Ga	VND	648.070.000	-
Công ty CPTM Thủy sản Á Châu	VND	3.884.757.359	-
Phải trả			
Công ty TNHH Sa Ga	VND	1.687.580.400	-

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng
Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Trịnh Bá Hoàng
Tổng Giám đốc